

CHƯƠNG 2

Trăng Quê



Mặt trời đang ngập ngừng lặn sau lũy tre xa. Ánh nắng vàng còn sót lại vương vãi trên cánh đồng đã đổi thành màu da cam rồi màu tím nhạt. Dăm ba chị nông dân đang gánh lúa về, đòn gánh nặng trĩu nhún nhảy trên vai. Họ trao nhau vài câu chuyện ngắn, dứt quãng xen lẫn tiếng chuông chùa thông thả ngân từng tiếng vang vào không trung. Vài con chim lạc lõng vội vàng bay về tổ.

Thi và tôi
vừa đi xem lễ
hội cúng vía
Thần hoàng ở
đình làng bên.
Dân làng tề
tụ nơi đây để
cầu xin cho



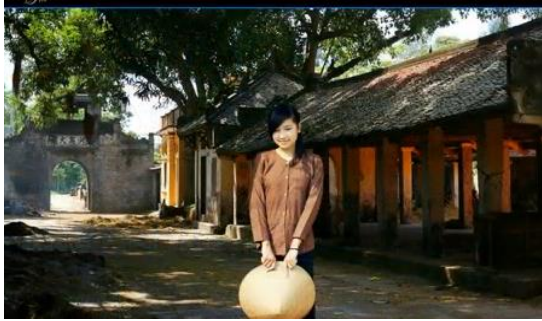
được mưa thuận gió hòa và nhà nhà được yên vui.

Chúng tôi mãi vui xem hội nên tới quá xế chiều mới nhớ trở về nhà. Cùng rảo bước bên nhau trên đồng ruộng, chúng tôi lần theo những con đường chỉ lớn vừa đủ cho hai người đi song song. Có những chỗ đường bị thu hẹp lại, tôi để Thi đi trước, tôi bước theo sau. Bóng dáng Thi lúc nào cũng thoăn thoắt kèm theo tiếng cười đùa. Có lúc, nàng se sẽ hát như chỉ đủ để nàng nghe. Nàng thích hát, không chỉ là những bài dân ca mà còn là những bài “nhạc mới” tình tứ nàng được học trong trường. Tuy Thi lớn lên ở đồng quê, nhưng sau thời gian sống nơi thành thị nàng đã thay đổi nhiều. Thật ra, gia đình Thi thuộc vào hạng có ngôi thứ và khá giả trong làng nên bản chất nàng cũng đã không giống những cô thôn nữ mộc mạc cùng lứa tuổi.

Thi, tuy vóc dáng học trò nhưng mang đầy sức sống. Mặt nàng trắng hồng với đôi mắt thông minh, đôi môi lúc nào cũng mọng đỏ tự nhiên. Mái tóc dài ngang quá vai được kẹp bằng chiếc bím bạc phía sau. Mỗi khi nàng chạy, mớ tóc óng ả ấy lại phát

sang bên này hay sang bên kia bờ vai. Tuy Thi cũng mặc áo nâu quần đen thôn dã, nhưng trong cái áo nâu đơn giản ấy nàng vẫn mang bóng dáng của một cô học trò trên tỉnh về quê thăm nhà.

Thi và tôi vẫn còn đi trong cánh đồng lúa. Lác đác đó đây những thửa ruộng vừa mới gặt xong còn trơ cuống rạ. Điềm trắng, vài con cò lơ dờ trong đầm nước xa xa. Dăm ba người đàn bà vội vã gánh hàng về sau phiên chợ,



Hình minh họa

nói chuyện xôn xao rồi chẳng mấy chốc họ đã khuất dạng. Một người đàn ông gò lưng đập lạch cách trên chiếc xe đạp cũ. Âm thanh của chiếc “xích” thiếu dầu ken két vang xa nhưng cũng trở nên nhỏ dần rồi tắt hẳn sau lũy tre làng. Buổi chiều ở cánh đồng quê sao sớm trở nên vắng lặng thế. Tiếng ếch ương hay ếch nhái đã bắt đầu vang lên rải rác đó đây.

Thì và tôi đã lần ra được tới đường lớn. Đôi khi Thì chạy lên phía trước mặt tôi, vừa đi dật lùi vừa nói huyền thuyên về hội lễ Thần hoàng. Nàng chê ông Tiên chỉ sao béo thể; ông Lý trưởng lại gầy gò, lưng thụng trong chiếc áo the thâm. Thì khen đoàn tế lễ ăn mặc thật đẹp. Những cô gái làng xinh tươi trong ban tế lễ thướt tha trong bộ đồng phục quần áo tứ thân sắc sỡ với chiếc nón quai thao rộng vành cùng giải yếm màu cánh sen và được điểm tô thêm với cái ruột tượng màu nồn chuối. Các cô uyển chuyển theo mỗi bước chân đi, tiến lên lùi xuống nhịp nhàng theo tiếng hô đồng dục của ông Chủ tế. Tôi mỉm cười hỏi Thì có thích ăn mặc như thế khi ra Hà Nội không. Thì nhìn tôi ngúng nguẩy rồi ôm mặt phá lên cười. Tiếng cười của nàng vui và ròn rã làm sao!

Khi chúng tôi tới gần cổng làng thì trời cũng đã bắt đầu nhá nhem tối. Có nhà đã lên đèn. Ngọn đèn “dầu lạc” le lói, ánh sáng hắt qua cửa sổ nhấp nháy cùng vài ngôi sao mới mọc đang lấp lánh trên cao.

Giờ này, cây đa đầu làng trông có vẻ ma quái, hoang vu và im lìm. Khi đi tới chỗ có ngôi miếu thờ với những ông bình vôi trắng toát, Thì chùn chân đi chậm lại và đi sát vào tôi như nàng đang sợ những bóng ma vô hình nào đó đang lẩn quất quanh đây. Bàn tay tôi vô tình chạm phải thân thể nàng, trong hoàn cảnh này, chỉ một giây ngắn ngủi ấy cũng đủ làm tôi thấy bối rối và rung động.

Qua ngôi miếu, chúng tôi nay lại vui bước trên con đường làng lát gạch. Bỗng đâu có tiếng gọi mời vào nhà chơi của anh chị Dân, anh chị họ của tôi. Tôi và Thi nhìn nhau như hỏi ý rồi chúng tôi cùng ghé vào thăm.

Sau khi an tọa trên hai chiếc ghế gỗ thấp lè tè cao chừng hai hay ba tấc, chúng tôi được anh chị mời uống nước với đậm đến đắng cả lưỡi. Nhân sẵn mâm cơm vừa được bung ra, anh chị mời cùng dùng cơm, nhưng chúng tôi từ chối nài có vừa ăn cỗ ở đình làng bên.

Trăng đã vừa lên. Ánh sáng trăng dịu tỏa khắp sân.

Chị Dân tiết kiệm tí dầu nên vợ chồng con cái kéo ra ngồi ăn ở giữa sân. Mâm cơm được đặt trên chiếc chiếu cũ đã rách một vài nơi. Sáu miệng ăn đang quây quần bên chiếc mâm gỗ đã tróc sơn.

Trên mâm có đĩa rau muống luộc, một đĩa vùng rang, một bát tương và thêm một đĩa tép riu rang mặn. Đây là hình ảnh của bữa cơm thanh đạm tiêu biểu của một gia đình nông dân không khá giả. Đối với dân quê nghèo ở đây, thỉnh thoảng họ mới được ăn tôm cá do chính tay họ đánh đậm hay câu được chứ ít khi họ chịu bỏ tiền ra mua những món ăn được coi là xa xỉ này. Họa chăng, trong những ngày giỗ tết, họ mới chịu làm thêm con gà hay con vịt nhà nuôi, hay nhiều lắm thêm được miếng thịt lợn mua từ trên chợ huyện đem về.

Bữa cơm chiều của nhà nông là thời gian họp mặt gia đình. Mọi người đông đủ sau một ngày vất vả với công việc.

Cơm nước xong, ai vào việc nấy. Mận, tên cô gái lớn đem bát đĩa ra ao rửa. Thi cũng theo ra nói chuyện. Hai người cùng trang lứa với nhau. Anh chị Dân ngồi uống nước trên chiếc chiếu trong hàng hiên tiếp chuyện tôi. Sau thêm tuần nước vối, chị Dân lại tắt tả vừa nói chuyện vừa thu xếp hàng hoá cho phiên chợ ngày mai. Anh Dân hỏi thăm tôi dăm ba câu về bố mẹ tôi rồi xoay sang hỏi chuyện học hành của tôi trên Hà Nội. Anh Dân cũng chỉ học qua loa ở bậc sơ học trường làng. Anh lấy vợ sớm và nay đã có được bốn mụn con. Mận là đứa con gái đầu lòng, rất đảm đang, lo toan việc nhà lại còn giúp mẹ trong việc buôn bán nữa. Đứa trai bé nhất vừa đầy năm tuổi.

Bỗng chị Dân hỏi tôi:

- Thế bao giờ cô chú trở lại trường?

Tự nhiên tôi thấy tai tôi nóng lên vì nghe chị dùng hai chữ "cô chú" ám chỉ Thi và tôi. Tôi thấy hơi ngượng ngượng nhưng biết chị không có ý đùa nghịch nên tôi đáp ứng trả lời :

- Chúng em còn ít ngày nữa ạ!

Chữ "chúng em" tôi dùng một cách ngập ngừng.

Lúc này Thi và Mận đã trở lại sân. Thi ngồi thụp xuống thềm nhà vừa nói chuyện với Mận vừa phụ

chị Dân xếp lại vài món hàng còn bừa bộn vào bồ. Bọn trẻ con ồn ào vì chúng vừa nhập bọn với đám trẻ con hàng xóm mới chạy sang chơi.

Tôi thấy ngồi đã lâu nên xin phép anh chị ra về. Thi cũng đứng dậy theo.

Ra đến cổng tôi còn nghe thấy văng vẳng tiếng chị Dân nói với chồng đằng sau lưng:

- Hai đứa trông cũng xinh đôi đấy chứ nhỉ!

Không nghe thấy anh Dân đáp lại mà chỉ nghe Mận cằn nhằn:

- Bu này, cứ hay nói chuyện người ta!

Thi và tôi đều nghe. Tôi tự nhiên thấy vui. Thi vẫn làm lũi đi bên tôi như không nghe thấy gì. Tôi liếc sang nòng xem phản ứng ra sao. Tôi biết con gái họ kín đáo và giữ ý lắm, Thi đâu có thể lộ vẻ hân hoan như tôi được. Tôi mỉm cười một mình.

Từ trong sân nhà của anh chị Dân vang ra xa tận ngoài ngõ tiếng mấy đứa trẻ con chơi “dung dăng dung dề”. Tiếng Mận hét to ngăn thẳng em út không được chạy nhanh kéo ngã.

*Rung răng, rung rẻ
Dắt trẻ đi chơi,
Những buổi đẹp trời
Tìm nơi tắm mát,
Cùng nhau ca hát,
Cát tiếng cười vang,
Nhảy múa nhịp nhàng*

*Cho lòng tươi trẻ
Rung rảng rung rẻ
Dắt trẻ nghênh ngang
Những buổi chiều vàng,
Chạy đùa nhẩy nhót
Nghe đàn chim hót
Đuổi bướm rờn bay,
Vận động chân tay
Cho người mạnh mẽ.*

*Rung rảng rung rẻ
Dắt trẻ đi dong
Hít thở ngoài đồng
Giữa trời quang đãng.
Ngắm trông đồng áng
Hoa cỏ xinh tươi;
Tấp nập mọi người
Làm ăn vui vẻ.*

(Trần Trung Phương) ⁽¹⁾

Trên đường về nhà, tôi cùng Thi đi sánh bước bên nhau im lặng. Ánh trăng vàng vạc trải trên đường. Bóng hàng tre theo gió xoa nhẹ mặt ao nằm sát bên bờ đường. Bóng của tôi và của Thi cũng như đương quyện lại với nhau trong sóng nước lăn tăn.

⁽¹⁾ Trích trong tập thơ "Mấy Vần Tươi Sáng" của thi sĩ Trần Trung Phương (1913-1945) - Nhà xuất bản Bình Minh, in lần thứ hai năm 1952. Nhiều bài thơ của ông đã được sử dụng trong sách giáo khoa bậc Tiểu học của Bộ Quốc Gia Giáo Dục vào những năm đầu thập niên 1950.

Tôi cúi xuống nhặt hòn sỏi ném xuống ao làm mặt nước loang ra những khoanh tròn và làm hai chiếc bóng của chúng tôi lung linh, uốn éo như múa. Thi nhìn băng quơ hai chiếc bóng rồi cúi đầu không nói. Cái bản tính hồn nhiên của nàng như đã bị chị Hằng đem đi đâu mất mà chỉ còn để lại một cô Thi mơ mộng ở tuổi mười lăm. Hay nàng đang suy nghĩ về lời nói của chị Dân lúc nãy. Tôi hay nghĩ “vơ vào” như thế. Những con đom đóm lập loè trên những khóm bụi bên bờ ao. Trên đỉnh cây cau, mặt trăng đang lơ lửng treo trên ấy.

Ánh sáng
trăng, dù ở
thành thị hay
thôn quê, luôn
luôn đem đến
cho mọi người
sự lắng đọng,
êm đềm, thiết
tha trong tâm
hồn. Sự êm
đềm ấy cứ lan



trải mãi ra đến vô cùng để người ta dễ mở lòng đón nhận sự yêu thương. Dưới ánh trăng, cảnh vật thường luôn trở nên huyền ảo. Ngoài cái lung linh huyền ảo của cảnh vật, người thưởng ngoạn trăng còn tưởng như nghe thấy được những âm thanh từ đâu vọng lại, có thể là tiếng lá vàng rơi xào xạc trên ngõ vắng vào mùa thu; hay tiếng sáo diều vắng vắng tự không trung; hay câu hò tiếng hát của

những cô thôn nữ gánh nước giếng đình làng xen lẫn tiếng cười đùa của đám trẻ vui trăng vào mùa hè; hay tiếng đàn ai vang lại từ chiếc thuyền nan dừng đĩnh nhẹ bơi trên dòng sông uốn khúc.

*Khoan ới ! Hồ khoan !
Cô Hằng tha thướt giữa màn mây xanh.
Vi vu gió hát trong cành,
Thuyền ta rẽ sóng long lanh ngân vàng.
Khoan ới ! Hồ khoan !
Ca đi ! Ta hát với ngàn thông reo !
Thuyền ta nhè nhẹ mái chèo,
Thuyền trôi, nước chảy giắt theo trăng
vàng.*

*Khoan lại hồ khoan !
Thuyền ai đưa vắng tiếng đàn Nam Ai !
Gió nghe gió cũng thở dài,
Thuyền ai tới bến Thiên Thai mơ màng.
Khoan khoan hồ khoan !
Giơ tay vớt ánh trăng tan dưới chèo.
Chúng ta cất tiếng cười reo,
Còn lên một khúc hoạ theo tiếng đàn.
Khoan ới ! Hồ khoan !
(Trần Trung Phương)⁽²⁾*

Hay bên cạnh tiếng đàn cao vút của điệu Nam Ai, ta cũng tưởng như nghe đâu đó, tiếng đàn trầm ấm của điệu Nam Bình.

⁽²⁾ Xem ghi chú (1) trên trang 26.

*Nàng trắng nằm ngủ trên cây,
Vô tình hé vạt áo mây ngang mình.
Giàn hoa gió động rung rinh,
Nghe ai gảy khúc Nam Bình ngân ngơ.*

(Trần Trung Phương) ⁽³⁾

Hay tiếng chuông chùa điểm từng tiếng ngân
buồn:

*Trăng ngà tắm dưới cầu ao,
Hạt trai đánh vãi vương vào lá sen.
Đồng xa có cánh diều lên,
Chùa đâu vắng tiếng chuông rền thu không.*

(Trần Trung Phương) ⁽³⁾

Trăng luôn
là nguồn thi
hứng của bao
nhà thơ từ cổ
chí kim. Bên
cạnh thi sĩ,
những nhà văn
cũng đã từng



tôn bao giấy mực thêu dệt nên bao chuyện tình điểm
lệ trong trăng. Trăng là thế đấy.

Thi và tôi vẫn lặng lẽ đi bên nhau trên con
đường làng lát gạch. Chị Hằng thỉnh thoảng bị che
khuất bởi tàn cây, hay đám mây mỏng. Mùi hoa cau
dịu dịu trong vườn nhà ai thoang thoang bay ra. Vài

⁽³⁾ Xem ghi chú (1) trên trang 26.

ánh đèn leo lắt mờ nhạt nhấp nháy qua lớp phen nửa trong những căn nhà tranh lụp sụp nằm khuất sau lũy tre thưa bên đường.

Nhìn ánh sáng trắng vắng vặc, tôi chợt nghĩ tới bài thơ “Phong Kiều Dạ Bạc” của Trương Kế thời nhà Đường bên Tàu. Như để phá vỡ bầu không khí quá yên tĩnh này, vừa đi tôi vừa muốn kể cho Thi nghe về giai thoại đã gần như trở thành huyền thoại của bài thơ ấy.

Tôi hỏi Thi:

- Em có bao giờ nghe thấy tên thị trấn Tô Châu bên Tàu không?

- Thưa anh, có phải Tô Châu là thị trấn nổi tiếng về những cô gái đẹp, về dệt tơ lụa và về câu chuyện tình sử Phạm Lãi - Tây Thi không anh?

- Đúng rồi ! Sao em biết?

- Chị Uyên em kể cho em nghe câu chuyện này sau khi chị ấy đọc xong cuốn truyện “Cô Tô Đài”. Chị cứ thương cho đôi trai tài gái sắc ấy mãi nên em nhớ.

Tôi gật đầu:

- Tô Châu có nhiều điều anh có thể kể cho em nghe lắm. Nhưng bây giờ anh tạm kể em nghe một câu chuyện về một bài thơ nổi tiếng thời nhà Đường bên Tàu mang tên “Phong Kiều Dạ Bạc” nhé.

Thi nhìn tôi với cặp mắt biết ơn.

Tôi đọc bài thơ cho Thi nghe:

Phong Kiều Dạ Bạc.

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Đạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*

(Trương Kế)

*Trăng tà, tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

(Tản Đà dịch)



Giai thoại kể rằng:

Thành Tô Châu có núi Cô Tô nên còn được gọi là Cô Tô thành.

Trương Kế, tác giả bài thơ, khi đi thi hỏng về ghé qua bên Phong Kiều, nửa đêm tỉnh giấc làm bài thơ này. Nhưng làm mới chỉ được có hai câu đầu, Trương Kế không thể làm nổi hai câu kế tiếp nữa nên cứ trần trọc mãi không sao ngủ được.

Cũng buổi đêm trăng hôm đó, bên ngoài thành Cô Tô, sư cụ chùa Hàn San cũng cảm hứng trăng thanh mà ngâm rằng:

*Sơ tam, sơ tứ nguyệt mông lung,
Bán tự ngân câu, bán tự cung.
(Mông ba, mông bốn trăng mờ,
Nửa đường móc bạc, nửa như cung trời.)*

(Trần Trọng San dịch)

Ta cũng nên biết chùa Hàn San được lập từ đời nhà Đường, vào thế kỷ thứ 7, lấy tên chùa này bằng tên của vị sư lập chùa. Chùa bị phá hủy nhiều lần bởi chiến tranh, sau cùng vào đời nhà Thanh cho xây dựng lại và đúc chuông theo đúng kiểu mẫu nguyên thủy. Ngày nay, ai đến thăm chùa cũng muốn đánh chuông để cầu phước.

Sư cụ làm được hai câu thơ ấy rồi hết ý không sao làm được thêm hai câu kế tiếp. Sư cụ cũng trần trọc mãi mà không ngủ được. Chú tiểu hầu bên thấy sư cụ cứ trần trọc mãi nên hỏi có sự. Sư cụ nói rõ

nổi khổ tâm của mình cho chú tiểu nghe. Chú tiểu xin phép sư cụ cho làm tiếp hai câu sau để hoàn tất bài thơ:

*Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn,
Bán trầm thủy đế, bán phù không.*

*(Một bình ngọc trắng chia hai,
Nửa chìm đáy nước, nửa cài từng không.)*

(Trần Trọng San dịch)

Sư cụ khen hay và sai chú tiểu lên chánh điện đánh chuông tạ Phật. Thành Cô Tô đêm đó nghe tiếng chuông từ Hàn San tự ngân xa. Trương Kế nằm trong thuyền nghe được tiếng chuông lúc ấy, kết thúc được bài thơ của mình:

*Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*

Giai thoại bài thơ là như vậy.

Tôi nói cho Thi biết là nhiều người từng am hiểu về văn chương Trung Quốc đã đặt câu hỏi là chữ “Ồ đề” dùng trong bài thơ này là tiếng quạ kêu hay là tên của một địa danh ở thành Tô Châu khi đó, vì nửa đêm thì không thể có tiếng quạ kêu. Lại thêm nữa, chữ “nguyệt lạc” là lúc trăng đã gần lặn tức lúc trời đã gần về sáng, sao trong thơ lại là “dạ bán” tức nửa đêm?

Tôi cũng cho Thi biết thêm hình ảnh con quạ đen lại là nguồn thi hứng cho nhiều thi nhân Trung

quốc, ngay cả trong bài “Ô Dạ Đề” của Lý Bạch cũng thế, mở đầu bài thơ ấy bằng hai câu:

Hoàng vân thành biên ô dục thê,

Quy phi “á á” chỉ thượng đề...

(Mây vàng tiếng quạ bên thành,

Nó bay tìm ngủ trên cành nó kêu.)

(Tản Đà dịch)

Thi hỏi tôi:

- Anh thích bài thơ này lắm hả?

-Ừ, đôi khi, trong sự *cuống cuống, giãy dụa* của cuộc sống đa đoan, nhân loại cần những bài thơ như thế này. Chính vì vậy mà bài thơ “Phong Kiều Dạ Bạc” đã sống suốt 13 thế kỷ nay trong lòng mọi người và anh tin rằng nó sẽ còn sống mãi mãi. Một bài thơ bất tử.

Thi chỉ mỉm cười không nói.

Tôi đi bên Thi mà thấy lòng mình rộn rã quá. Tôi muốn đi và đi mãi. Nhưng rồi cuối cùng chúng tôi cũng phải chia tay. Đứng trước cổng nhà nàng, Thi như bịn rịn ngập ngừng chào tôi.

Tôi sẽ hỏi :

- Vài hôm nữa em có đi chơi hội đèn Và⁽⁴⁾ với anh không ?

Thi như chột tươi hân lên:

(⁴) "Đền Và" ở gần thị xã Sơn Tây

- Anh đi hả? Cho em đi với nhé!

Dưới ánh sáng trăng, tôi thấy khuôn mặt Thi thật rạng rỡ. Đôi mắt nàng đã sáng lại càng sáng hơn. Nước da nàng đã trắng lại càng trắng hơn lên.

Trong cái tĩnh mịch của đêm trăng, xúc động, tôi định nắm lấy tay nàng thì nàng đã quay gót, đẩy cổng vào nhà. Tôi đứng lại như còn tiếc nuối một điều gì trước khi lững thững đi tiếp một quãng ngắn rồi rẽ vào ngõ nhà tôi. Bâng khuâng, trong lòng có chút gì vui man mác, nhẹ nhẹ như ánh trăng thanh.

Trăng đã lên cao.■

